

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Linh Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 43/2022/QĐ-ST ngày 12/5/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Chị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh - *Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt*

2. Anh A, sinh năm 1985

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang cư trú tại: I, Chihara, Chiba, N- *Vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt*).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai của chị T và anh A thống nhất trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh A là vợ chồng. Trước khi đi đến hôn nhân, hai người được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2012 tại UBND xã C, thành phố C, tỉnh K. Thời gian đầu sau khi cưới, hai người chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, bắt đầu từ lúc có con thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xảy ra cãi vã lẫn nhau, cộng với điều kiện kinh tế ngày càng khó khăn nên mâu thuẫn ngày càng nặng nề. Anh Nguyễn Hoàng A hiện nay đang làm ăn ở N và cả hai đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, chị T và anh A thống nhất yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho ly hôn để ổn định và xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Chị T và anh A thống nhất quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu H, sinh ngày 27/11/2013. Hai bên thống nhất giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh A có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T và anh A cũng có đơn trình bày do tính chất công việc không thể tham gia tố tụng nên cả hai người có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, người yêu cầu giải quyết việc ly hôn và phân tích nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau nên đề nghị Tòa án áp dụng Điều 149, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh A hiện đang làm việc tại Nhật Bản, các giấy tờ do anh, chị gửi về yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời hai người đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc ly hôn vắng mặt chị T và anh A theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu do chị T và anh A cung cấp cho Tòa án thể hiện hai người có đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2012 tại UBND xã C, thành phố C, tỉnh K nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, hai người thường bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã lẫn nhau và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, chị T và anh A đều xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên đều có mong muốn Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn ... thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*”. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh A đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và sự thỏa thuận của hai người là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh A để hai người sớm ổn định cuộc sống.

[2.2] Quan hệ con chung: chị T và anh A đều thống nhất giao con chung là cháu H, sinh ngày 27/11/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy Nguyễn Võ K lâu nay do chị Thương chăm sóc, nuôi dưỡng và sự thỏa thuận của chị Thương và anh Ân về con chung là tự nguyện và phù hợp. Vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Võ K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh A đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh A.

2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 27/11/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh A có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Võ K tròn 18 tuổi và anh Ân có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con của chị T. Số tiền 300.000đồng chị Thương đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000158, ngày 13/4/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị T còn phải nộp 150.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự ;
- UBND xã C;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương Huyền